

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số 38/2025/DS-PT
Ngày 08-4-2025

V/v tranh chấp Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Thẩm phán:

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Ông Lê Phan Công Trí

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp Đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Hà Kim T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 3, đường Võ Thị S, Khóm 7, Phường 3, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Việt Qu, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm 2, Phường 5, thành phố B, tỉnh B. (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Lê Quốc TA, sinh năm 1993 và bà Tăng Mỹ L, sinh năm 1995. Cùng địa chỉ: Số 0, Khóm 7, Phường 3, thành phố B, tỉnh B. (ông TA có mặt, bà L vắng mặt).

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Kim T và người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Kim T trình bày:

Bà Hà Kim T làm nghề cầm đồ và kinh doanh tiệm vàng tại khóm 7, phường 3, thành phố B, tỉnh B, còn Lê Quốc TA và Tăng Mỹ L là vợ chồng làm nghề kinh doanh mua bán xe mô tô đã qua sử dụng.

Do là chỗ quen biết, bà T và vợ chồng ông TA bà L đã thỏa thuận các bên sẽ hùn hạp làm ăn chung cụ thể: Bà T sẽ mở cửa hàng mua bán xe mô tô, gắn máy ở

nhà của bà T tại địa chỉ số 120, đường Võ Thị Sáu, khóm 2, phường 8, thành phố B, tỉnh B đặt biển hiệu là “Cửa hàng xe máy TA Lê” và ra vốn cho vợ chồng ông TA kinh doanh mua, bán và cầm cố xe mô tô đã qua sử dụng và cầm cố tài sản khác, vợ chồng ông TA trực tiếp quản lý trông coi Cửa hàng; tiền lãi phát sinh từ việc bán và cầm xe các bên sẽ phân chia theo tỷ lệ 50% và vợ chồng ông TA phải chuyển cho bà T tiền lãi sau khi quyết toán trong cuối ngày. Từ việc thỏa thuận này, bà T đã nhiều lần đưa tiền cho vợ chồng ông TA cụ thể như sau:

Đối với khoản tiền hùn vốn cầm đồ:

- Ngày 09/11/2022: Bà T đã sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số 7201205093281 đứng tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản Ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên chủ tài khoản số tiền **82.000.000** đồng. Trong đó:

+ Cầm nhà của bà La Thị Thu T, sinh năm 1971, nơi thường trú: số 071A, khóm 7, phường 3, thành phố B, tỉnh B số tiền 40.000.000 đồng (lãi suất cầm nhà là 7.5%/tháng).

+ Cầm vàng của vợ chồng TA số tiền 42.000.000 đồng.

- Ngày 12/11/2022: Vợ chồng TA trực tiếp đến nhà bà T nhận số tiền **12.000.000** đồng của một người khách (bà T không xác định họ tên, địa chỉ) xe mô tô loại Exciter, biển số 94K1 – 641.35 (xe do bà Lâm Thị Hồng T, sinh năm 1991, nơi thường trú: ấp Giồng Nh, xã H, thành phố B, tỉnh B đứng tên), lãi suất cầm xe là 15%/tháng.

- Ngày 12/11/2022: Bà T sử dụng tài khoản Ngân hàng OCB số 0939573234 đứng tên Hà Kim T chuyển đến số tài khoản Ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên chủ tài khoản số tiền **21.000.000** đồng; mục đích: Cầm xe chiếc xe mô tô loại Exciter biển số 94K1 – 733.44 của Phạm Việt Tr, sinh năm 1975, nơi thường trú: số A, đường 2, khóm 1, phường 8, thành phố B, tỉnh B (giấy tờ mang tên Phạm Thu Th, sinh năm 1997, nơi thường trú: Khóm 1, phường 8, thành phố B, tỉnh B), lãi suất 3%/tháng.

- Ngày 27/11/2022: Bà T sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số 7201205093281 đứng tên Hà Kim T chuyển đến số tài khoản Ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên chủ tài khoản số tiền **30.000.000** đồng; mục đích: cầm xe cho người khách quen của TA đang làm tại Công ty vận tải S (bà T không xác định được họ tên, địa chỉ của người cầm xe và đặc điểm xe nhưng có ghi lại cầm 20.000.000 đồng), lãi suất cầm xe là 3%/tháng. Đến ngày 04/12/2022, TA nói với bà T khách hàng này có nhu cầu cầm thêm số tiền là 5.000.000 đồng, bà T đồng ý.

- Ngày 05/12/2022: TA và L trực tiếp đến nhà bà T lấy tổng số tiền **60.000.000** đồng, mục đích: cầm xe cho Thạch Thanh T, sinh năm 1996, nơi thường trú: số B, khóm 5, phường 7, thành phố B, tỉnh B 01 chiếc xe mô tô loại Exciter và 01 xe mô tô loại Airblade, cầm mỗi xe với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất cầm xe là 5%/tháng.

- Ngày 17/12/2022: Bà T đã sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số

7201205093281 tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên chủ tài khoản số tiền 20.000.000 đồng để TA đưa cho khách cầm xe mô tô biển số 94K2-008.80 (xe do bà Võ Như L, sinh năm 1997, nơi thường trú: ấp Th, xã Vĩnh Tr, thành phố B, tỉnh B đứng tên chủ sở hữu).

- Cùng ngày 17/12/2022 bà T sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 7201205093281 đứng tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ngân hàng OCB số 5539397979 do Lê Quốc TA đứng tên chủ tài khoản hai lần, trong đó để cầm xe mô tô biển số 94K2 – 111.51 (Xe biển số 94K2 – 111.51 do bà Huỳnh Thị ThuL, sinh năm 1969, nơi thường trú: ấp T, thị trấn Châu H, huyện Vĩnh L, tỉnh B đứng tên chủ sở hữu) số tiền 15.000.000 đồng và một người khách hàng tên Khoa cầm xe mô tô với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Ngày 18/12/2022: Bà T sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939573234 đứng tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ngân hàng ACB số 5226 đứng tên Tăng Mỹ L số tiền 10.000.000 đồng để cầm xe mô tô biển số 94B1 – 166.74 cho khách hàng Huỳnh Thành T, sinh năm 1986, nơi thường trú: ấp 2, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B.

- Cùng ngày bà T sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939573234 tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên chủ tài khoản số tiền 50.000.000 đồng và TA đến nhà bà T lấy 5.000.000 đồng để cầm xe mô tô biển số 47H1 – 439.70 cho khách hàng tên Trần Văn T, sinh năm 1966, nơi thường trú: ấp 5, xã Tân Lộc B, huyện Thới , tỉnh C (xe do bà Trần Thị X, sinh năm 1981, nơi thường trú: Thôn 2, xã C, huyện Cư, tỉnh Đ đứng tên chủ sở hữu cho ông Tài mượn cầm).

- Ngày 19/12/2022: Bà T sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939573234 đứng tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên số tiền 35.000.000 đồng cầm xe mô tô biển số 50N1 – 122.17 của khách hàng tên Nguyễn Minh C, sinh năm 1976, nơi thường trú: ấp số 9, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh Tr, tỉnh S (bà T không xác định được họ tên, địa chỉ).

- Ngày 21/12/2022: Bà T sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939573234 đứng tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ngân hàng ACB số 5226 do Tăng Mỹ L đứng tên số tiền 10.000.000 đồng và TA đến nhà T lấy thêm số tiền 15.000.000 đồng để cầm xe cho khách hàng tên là D.

- Ngày 22/12/2022: Ông TA gọi điện cho bà T nói một người khách tên là Toàn có nhu cầu cầm một chiếc xe mô tô biển số 94H4 – 2882 (Xe mô tô ông Trần Văn Th, sinh năm 1966, nơi thường trú: số 1, ấp X, xã H, thành phố B, tỉnh B đứng tên chủ sở hữu,) với số tiền 80.000.000 đồng, bà T đồng ý. Sau đó, cùng ngày bà T đưa số tiền này cho Tăng Kiết T là người em biết ngoài xã hội, để T đem đến đưa cho TA giao tiền cho khách hàng cầm xe.

- Ngày 25/12/2022, ông TA gọi điện cho bà T nói có một người khách hàng có nhu cầu cầm xe mô tô với số tiền 11.000.000 đồng, bà T đồng ý. Sau đó, cùng ngày bà T đưa số tiền này cho Trần Mạnh T để đem đến đưa cho TA giao tiền cho khách hàng cầm xe.

Tổng số tiền bà T đã đưa cho vợ chồng Lê Quốc TA và Tăng Mỹ L để hùn vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ là 419.000.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu đồng).

Đối với khoản tiền hùn vốn mua bán xe:

- Ngày khai trương Cửa hàng bà T đưa cho TA và L số tiền mặt 107.500.000
- 01 chiếc vision: 38.000.000 đồng
- 02 chiếc SH Mode: 138.000.000 đồng
- 01 chiếc SH 125: 71.000.000 đồng
- 01 chiếc SH 125: 70.500.000 đồng

Tổng cộng số tiền bà T đưa TA và L số tiền 425.000.000 đồng.

Số tiền TA lấy của bà T cho ông H, Chủ Cửa hàng xe gắn máy Th – địa chỉ: Ph, phường 3, thành phố B, tỉnh B là 50.000.000 đồng.

Số tiền vợ chồng TA và L nợ bà T từ việc mua vàng là: 52.000.000 đồng.

Tiền bà T đưa vợ chồng TA và L trang trí Cửa tiệm : 19.000.000 đồng

Tiền ông TA lấy của bà T cho ông Khoa vay là 10.000.000 đồng

Tiền ông TA nhận mua vàng cho ông Nghiệp là 35.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu ông TA, bà L thanh toán cho bà 1.010.000.000 đồng và lãi của số tiền trên tính từ ngày khởi kiện, ngày 06/02/2024 đến khi thanh toán xong các khoản tiền theo lãi suất 10%/năm.

** Theo bản tự khai, đơn phản tố và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L trình bày:*

Vợ chồng ông TA, bà L và bà Hà Kim T vốn có quen biết với nhau, vợ chồng ông TA, bà L thì làm công việc kinh doanh mua bán xe máy cũ và nhận cầm đồ, thế chấp tài sản. Còn bà Hà Kim T thì kinh doanh tiệm vàng tại Khóm 7, Phường 3, thành phố B, tỉnh B. Trong khoảng thời gian quen biết thì ông TA, bà L biết được bà T có căn nhà tại đường Võ Thị Sáu, khóm 2, phường 8, thành phố B, tỉnh B và bà muốn cho thuê. Sau khi biết được thông tin trên thì vợ chồng ông TA, bà L đã ngỏ ý thuê lại địa điểm trên để làm địa điểm kinh doanh xe gắn máy cũ, cầm đồ. Sau khi xem mặt bằng nhà và đồng ý thuê thì bà T có nói với ông TA, bà L rằng bà có quen một người đàn ông và yêu cầu ông TA, bà L để bà làm giấy phép kinh doanh giúp với số tiền 3.000.000 đồng. Bà T còn xin ông TA, bà L cho bà T đứng tên giấy phép kinh doanh để cho bà T có thể vay tiền tại ngân hàng ACB, vì bà T có nói với ông TA, bà L là căn nhà và phần đất này bà mua với số tiền 6.000.000.000 đồng nhưng không đủ tiền nên nay cần vay ngân hàng thêm. Do quen biết nên vợ chồng ông TA, bà L đã đồng ý cho bà T đứng tên và cho bà T làm thêm phòng phun xăm thẩm mỹ chung trong tiệm khi bà T có yêu cầu. Bà T thương lượng nếu ông TA, bà L đồng ý thì bà sẽ cho thuê với giá 15.000.000 đồng/tháng. Do đó, ông TA, bà L đã đồng ý với điều kiện nêu trên của bà T. Sau khi hai bên thống nhất thì ông TA, bà L có tiến hành liên hệ cơ quan có thẩm

quyền để xin giấy phép kinh doanh và tiến hành mở cửa hàng mua bán xe mô tô, gắn máy tên là “Cửa hàng xe máy TA Lê” tại căn nhà của bà T có địa chỉ số 120, đường Võ Thị Sáu, khóm 2, phường 8, thành phố B, tỉnh B với ngành nghề kinh doanh là kinh doanh mua bán xe; cầm cố xe mô tô, gắn máy đã qua sử dụng và cầm cố tài sản khác. Đến ngày 12 tháng 12 năm 2022 thì ông TA, bà L được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

Sau khi nhận được giấy phép kinh doanh thì ông TA, bà L bắt đầu khai trương cửa tiệm và nhận cầm cố, mua bán xe cũ từ khách hàng. Do trước đó thì vợ chồng ông TA, bà L cũng có kinh doanh lĩnh vực này nên cũng có nhiều khách hàng, khi mở cửa hàng thì được nhiều khách cũ liên hệ. Do có địa điểm kinh doanh và trưng bày ổn định nên vợ chồng ông TA, bà L có đem một số xe cũ có nguồn gốc từ việc vợ chồng ông TA, bà L nhận mua bán, cầm cố từ các khách hàng trước đó đến cửa hàng “Cửa hàng xe máy TA Lê” để trưng bày nhằm thu hút khách hàng. Trong quá trình hoạt động thì giữa ông TA, bà L và bà T có phát sinh một số giao dịch dân sự liên quan đến tiền chủ yếu là việc bà T sẽ chuyển tiền sang tài khoản Ngân hàng của vợ chồng ông TA, bà L và sau đó nhờ ông TA, bà L đưa tiền mặt lại cho bà và ngược lại thì vợ chồng ông TA, bà L cũng nhiều lần chuyển khoản cho bà T và nhờ bà T đưa tiền mặt lại cho vợ chồng ông TA, bà L. Bà T cho rằng vợ chồng ông TA, bà L đã chiếm đoạt số tiền của bà T thì ông bà có ý kiến cụ thể như sau:

Đối với số tiền 419.000.000 đồng bà T trình bày trong đơn khởi kiện. Trong quá trình trước và trong thời gian ông TA, bà L thuê nhà của bà T thì hai bên đã nhiều lần chuyển khoản cho đối phương và nhờ đối phương đưa tiền mặt lại cụ thể các lần chuyển khoản như sau:

- Ngày 09/11/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 7201 2050 93281 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 82.000.000 đồng.

- Ngày 14/11/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939 573 234 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản số ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 21.000.000 đồng.

- Ngày 27/11/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 7201 2050 93281 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 17/12/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 7201 2050 93281 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Ngày 18/12/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939 573 234 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 50.000.000 đồng. Đối với số tiền này thì ông TA, bà L không nhớ bà T chuyển số tiền trên cho ông TA, bà L để làm gì nhưng ông TA, bà L đã sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 7200 1235 25252 mang tên Lê Quốc TA chuyển đến tài khoản ngân hàng OCB số 0939 573 234 mang tên

Hà Kim T số tiền 50.000.000 đồng vào lúc 21 giờ 38 phút ngày 18 tháng 12 năm 2022.

- Ngày 18/12/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939 573 234 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939 573 234 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 35.000.000 đồng.

- Ngày 21/12/2022, bà Hà Kim T có sử dụng tài khoản ngân hàng OCB số 0939 573 234 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB số 5226 do bà Tăng Mỹ L đứng tên với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Ngày 17/11/2022, bà Hà Kim T ngân hàng Agribank số 7201 2050 93281 mang tên Hà Kim T chuyển đến tài khoản ACB do ông Lê Quốc TA đứng tên với tổng số tiền là 25.000.000 đồng.

Như vậy, trong suốt thời gian mà vợ chồng ông TA, bà L quen biết và thuê nhà của bà Hà Kim T thì bà T đã chuyển khoản tổng cộng đến tài khoản của vợ chồng ông TA, bà L với số tiền là 253.000.000 đồng. Tất cả số tiền trên thì ông TA, bà L đã đưa tiền mặt lại hoặc chuyển khoản trả lại cho bà T ngay trong ngày vì do nhà của cả hai đều không gần cây ATM hoặc ngân hàng để rút tiền nên hai bên thường chuyển khoản cho nhau và nhờ đối phương đưa lại tiền mặt.

Đối với các khoản tiền mà bà T trình bày là có giao trực tiếp cho vợ chồng ông TA, bà L và nhờ người đem qua đưa trực tiếp cho vợ chồng ông TA, bà L. Trong thời gian ông TA, bà L thuê nhà của bà Thúy chỉ tiến hành giao nhận tiền thông qua tài khoản ngân hàng và ông TA, bà L đưa lại tiền trực tiếp cho nhau và không có việc bà T nhờ người thân hoặc bạn bè đem tiền qua đưa vợ chồng ông TA, bà L như bà trình bày trong đơn khởi kiện. Do đó, vợ chồng ông TA, bà L không đồng ý với lời trình bày trên của bà T. Việc bà trình bày có giao tiền trực tiếp và nhờ người đem qua cho vợ chồng ông TA, bà L là không đúng sự thật.

Đối với số tiền 425.000.000 đồng hùn vốn mua bán xe và đưa ngày khai trương. Trong quá trình kinh doanh xe cũ trước khi ông TA, bà L thuê nhà của bà T thì ông TA, bà L có tiến hành trao đổi và mua bán xe cũ với nhiều khách hàng trong đó có bà T và người thân của bà T. Lúc này ông TA, bà L có bán cho người thân của bà T 04 chiếc xe cụ thể như sau:

- 01 chiếc xe Vision số khung đuôi 578798 đời mới cho con gái bà Hà Kim T tên là Hân (Ông TA, bà L không nhớ họ và tên cũng như biển số xe) với giá 38.000.000 đồng. Chiếc xe này có nguồn gốc do ông TA, bà L nhận mua của một người đàn ông quê Bình Thuận vào ngày 26 tháng 07 năm 2022, sau đó mang về B và bán lại cho bà Hà Kim T. Hiện nay chiếc xe này do con gái bà Hà Kim T quản lý và sử dụng.

- 01 chiếc xe SH 125 (ông TA, bà L không nhớ biển số xe) bán cho em của bà T tên là Hà Thanh L, có địa chỉ tại ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh B với giá

71.000.000 đồng. Chiếc xe này có nguồn gốc từ việc ông TA, bà L nhận mua của ông Trần Tiến Qu, có địa chỉ tại thành phố C, tỉnh C vào ngày 22 tháng 11 năm 2022, sau đó ông TA, bà L mang về B và bán lại cho ông Hà Thanh L. Hiện nay chiếc xe này do ông Hà Thanh L đang quản lý và sử dụng.

- 01 chiếc xe SH 150 (ông TA, bà L không nhớ biển số xe) bán cho em của bà T tên là Hà Thanh D, có địa chỉ tại ấp 15, xã B, huyện Hòa B, tỉnh B với 70.400.000 đồng. Chiếc xe này có nguồn gốc giá từ việc ông TA, bà L nhận mua của ông Trần Tiến Q, có địa chỉ tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 22 tháng 11 năm 2022, sau đó ông TA, bà L mang về B và bán lại cho ông Hà Thanh D. Hiện nay chiếc xe này do ông Hà Thanh D đang quản lý và sử dụng.

- 01 chiếc xe Vision (không nhớ biển số xe) đời cũ bán cho vợ chồng ông Hà Thanh D, có địa chỉ tại ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh B với giá 30.400.000 đồng, chiếc xe này có nguồn gốc từ việc chúng tôi nhận chuyển nhượng của người đàn ông tên “ba Tên” có địa chỉ ở Cầu Xáng, Phường 3, thành phố B, tỉnh B. Hiện nay chiếc xe này do do vợ chồng ông Hà Thanh D đang quản lý và sử dụng.

Như vậy, ông TA, bà L đã bán cho bà T và người thân của bà T tổng cộng là 04 chiếc xe như đã liệt kê ở phía trên. Hiện nay thì người nhà của bà T đang quản lý, sử dụng và đã được đứng tên chủ sở hữu đối với 04 xe trên. Đây là những chiếc xe mà vợ chồng ông bà đã mua trước khi thuê nhà của bà T và bà T là người trực tiếp giao dịch, thanh toán tiền. Ông bà không có nhận hùn vốn mua xe với bà T cũng như không có nhận của bà T số tiền 425.000.000 đồng như lời bà T trình bày.

Ngoài ra, bà T còn có trình bày là đưa tiền mặt cho ông bà số tiền 107.500.000 đồng vào ngày khai trương cửa hàng là không đúng sự thật. Giữa ông bà và bà T không có liên quan gì đến công việc kinh doanh của nhau và cũng không có nhận số tiền 107.500.000 của bà T vào ngày khai trương.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà T cho rằng đưa cho ông bà để đưa cho ông H, chủ cửa hàng xe gắn máy Th, có địa chỉ tại đường Ph, Phường 3, thành phố B, tỉnh B vay lấy lãi là không đúng sự thật. Ông bà không có nhận bất kỳ số tiền nào của bà T để đưa cho ông Hưng.

Đối với số tiền 52.000.000 đồng mà bà T cho rằng vợ chồng ông bà thiếu tiền của bà T do mua vàng thì chúng tôi xác định không có vì từ trước đến giờ chúng tôi chưa mua vàng từ cửa hàng của bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu chúng tôi trả số tiền 52.000.000 đồng là chúng tôi không đồng ý. Chính bà T hiện nay còn thiếu vàng của vợ chồng chúng tôi.

Đối với số tiền vật tư mua đồ trang trí tiệm 19.000.000 đồng. Trong quá trình chuẩn bị khai trương cửa tiệm thì toàn bộ chi phí sửa chữa, trang trí hay chi phí khác thì đều do vợ chồng ông bà là người bỏ tiền ra mua và đều có ghi nhận lại. Ông TA, bà L không có nhận bất kỳ chi phí nào từ bà T để mua vật tư trang trí tiệm như lời trình bày của bà T tại đơn khởi kiện. Giữa ông bà và bà T không có liên quan gì đến công việc kinh doanh của nhau nên không có lý do gì bà T đưa tiền cho ông bà để mua đồ trang trí tiệm.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà T trình bày tại đơn khởi kiện cho rằng ông bà có lấy của bà T 10.000.000 đồng để cho ông Khoa vay là không đúng sự thật. Vợ chồng tôi không hề biết ông Khoa mà bà T đề cập là ai.

Đối với số tiền 35.000.000 đồng việc nhận mua vàng cho ông Nghiệp: Trong lúc giữa ông TA, bà L và bà Hà Kim T còn thuận thảo thì ông TA, bà L có giới thiệu ông Nguyễn Quốc Ngh, có địa chỉ tại đường Hòa Bình, thành phố B, tỉnh B đến tiệm vàng do bà Hà Kim T làm chủ có địa chỉ tại chi khóm 7, phường 3, thành phố B, tỉnh B. Tuy nhiên, vợ chồng ông bà chỉ giới thiệu ông Nghiệp với bà T, hai bên tự tiến hành giao dịch mua bán vàng. Còn cụ thể như thế nào thì vợ chồng ông TA, bà L không biết được và vợ chồng ông TA, bà L cũng không có nhận mua vàng cho ông Nghiệp như lời trình bày của bà T.

Việc vợ chồng ông TA, bà L thuê nhà bà T để làm địa điểm kinh doanh là có xảy ra trên thực tế. Giữa hai bên đã có thỏa thuận với nhau rất rõ ràng là bà T sẽ cho ông TA, bà L thuê địa điểm kinh doanh với giá là 15.000.000 đồng/ tháng. Ngược lại ông TA, bà L sẽ cho bà T đứng nhờ tên giấy phép kinh doanh để vay tiền ngân hàng cho bà T mở 01 phòng phun xăm thẩm mỹ trong cửa hàng của ông TA, bà L. Và sau khi được cấp giấy phép thì khoản 10 ngày sau hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà T tố giác vợ chồng ông TA, bà L đến Công an thành phố B, tỉnh B. Sau đó, Công an thành phố B đã ban hành quyết định không khởi tố vụ án do không có dấu hiệu hình sự. Do đó, nay bà T lại tiếp tục khởi kiện ông TA, bà L đến Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B đề yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông TA, bà L phải hoàn trả cho bà T tổng số tiền là 1.010.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh là 10%/năm cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc của bà T thì vợ chồng ông TA, bà L không đồng ý.

Đồng thời ông TA và bà L có yêu cầu phản tố cụ thể:

Vợ chồng ông bà và bà Hà Kim T vốn có quen biết với nhau do cả hai từng có thời gian kinh doanh chung, trong thời gian này thì bà T có vay vợ chồng ông bà một số khoản vay như sau:

Khoản vay thứ nhất diễn ra vào đầu tháng 10 năm 2022, thời gian cụ thể thì vợ chồng ông bà không nhớ rõ. Do tình hình Covid 19 nên việc kinh doanh tiệm vàng của bà T gặp nhiều khó khăn nên bà T có hỏi vay số vàng cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào đầu tháng 10 năm 2022, cho bà Hà Kim T mượn 02 sợi dây chuyền vàng 18K (05 chỉ 6 phân 24 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (02 chỉ 9 phân 34 ly kèm luôn hột), 01 sợi dây chuyền vàng 18K (03 lượng 01 chỉ 93 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (04 lượng 03 chỉ 94 ly).

- Lần thứ hai là vào 10 ngày sau kể từ lần cho mượn đầu tiên, tiếp tục cho bà T vay 01 bộ vòng ximen 21 chiếc vàng 18K (01 lượng 6 phân 88 ly), 02 chiếc khâu vàng 24K (05 chỉ 9 phân 92 ly), 03 chiếc nhẫn hột vàng 18K (06 chỉ 6 phân 30 ly).

Cả hai lần cho bà T vay số vàng trên thì ông TA, bà L đều mang đến trực tiếp tại tiệm vàng của bà Hà Kim T có địa chỉ tại đường Võ Thị Sáu, phường 3, thành phố B, tỉnh B. Bà Hà Kim T có kiểm tra lại số vàng trên bằng việc cân lại trọng lượng và ông bà chụp hình lại. Khi cho vay thì hai bên không có thỏa thuận

lãi suất vì vốn nghĩ rằng cả hai bên đều quen biết nhau. Hiện nay số vàng này một số bà T đã đem đi cầm tại tiệm vàng khác, còn một số thì đang được bà T giữ tại tiệm vàng của bà.

Khoản vay thứ hai vào khoảng gần cuối năm 2022, vợ chồng còn cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, nhưng vào thời gian chi tiết thì vợ chồng ông bà không nhớ do thời gian đã lâu. Đối với số tiền 500.000.000 đồng thì ông bà cho bà T vay bằng hình thức nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng mang tên Hà Kim T được mở tại Ngân hàng OCB - Chi nhánh B với số tài khoản 0939 573 234.

Việc vợ chồng ông bà cho bà Hà Kim T vay tiền, vàng thì hai bên có thỏa thuận miệng với nhau, vàng thì cho vay trực tiếp, còn tiền thì cho vay qua hình thức bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của bà T. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay bà Hà Kim T chưa thanh toán cho vợ chồng ông TA, bà L bất kỳ khoản tiền và vàng nào.

Nay ông bà yêu cầu bà Hà Kim T phải có trách nhiệm trả lại cho bị đơn số vàng như sau: 02 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 sợi lắc tay vàng 18K (02 chỉ 9 phân 34 ly kèm luôn hột), 01 bộ vòng ximen 21 chiếc vòng 18K (01 lượng 6 phân 88 ly), 02 chiếc khâu vàng 24K (05 chỉ 9 phân 92 ly), 03 chiếc nhẫn hột vàng 18K (06 chỉ 6 phân 30 ly), 01 sợi dây chuyền vàng 18K (03 lượng 01 chỉ 93 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (04 lượng 03 chỉ 94 ly).

Yêu cầu bà Hà Kim T phải trả lại cho bị đơn số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi kèm theo là 10%/năm theo quy định của pháp luật tính từ ngày có đơn yêu cầu khởi kiện cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim T đối với ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L.

Buộc ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L trả cho bà Hà Kim T số tiền 773.325.000 đồng, trong đó tiền gốc là 736.500.000 đồng, lãi tính từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 36.825.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim T đối với ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L về việc trả số tiền 230.475.000 đồng, trong đó tiền gốc là 219.500.000 đồng, lãi tính từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 10.975.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim T đối với số tiền trang trí Cửa tiệm 19.000.000 đồng và số tiền nhận mua vàng cho ông Nghiệp là 35.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L đối với bà Hà Kim T về việc trả số vàng gồm: 02 sợi dây chuyền vàng 18K (05 chỉ 6 phân 24 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (02 chỉ 9 phân 34 ly kèm luôn hột), 01 bộ vòng ximen 21 chiếc vòng 18K (01 lượng 6 phân 88 ly), 02 chiếc khâu vàng 24K (05 chỉ 9 phân 92 ly), 03 chiếc nhẫn hột vàng 18K (06 chỉ 6 phân 30 ly), 01 sợi dây

chuyên vàng 18K (03 lượng 01 chỉ 93 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (04 lượng 03 chỉ 94 ly). Tổng giá trị thành tiền của số vàng nêu trên đến thời điểm xét xử ngày 30/9/2024 là 684.748.480 đồng

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L đối với bà Hà Kim T về việc trả lại số tiền 512.916.667 đồng, trong đó gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày có đơn yêu cầu phản tố 27/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 12.916.667 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông TA và bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn ông TA vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông TA và bà L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà L.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà T xác định do là chỗ quen biết, bà T và vợ chồng ông TA bà L đã thỏa thuận các bên sẽ hùn hạp làm ăn chung cụ thể: Bà T sẽ mở cửa hàng mua bán xe mô tô, gắn máy tại nhà bà T, bà T bỏ vốn ra cho vợ chồng ông TA kinh doanh mua, bán, cầm cố xe mô tô đã qua sử dụng và các tài sản khác, vợ chồng ông TA

trực tiếp quản lý, trông coi cửa hàng, tiền lãi phát sinh chia đôi. Từ việc thỏa thuận này, bà T đã nhiều lần đưa tiền, xe cho ông TA kinh doanh.

Quá trình giải quyết vụ án ông TA, bà L không thừa nhận có hùn hạp làm ăn chung với bà T. Tuy nhiên, căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đứng tên bà T, địa điểm kinh doanh là nhà của bà T, ông TA và bà L cho rằng vợ chồng ông bà thuê nhà bà T kinh doanh nhưng không chứng minh được việc thuê nhà. Ngoài ra, các đoạn tin nhắn trao đổi trên mạng xã hội giữa bà T và vợ chồng ông TA cũng thể hiện nội dung trao đổi việc làm ăn giữa các bên như: “tiền chị công em”, “người ra công, người ra của cùng làm”, “lợi nhuận cùng chia”; quá trình kinh doanh, ông TA nhiều lần nhắn tin hỏi bà T “cầm bao nhiêu tiền”, “lãi tính bao nhiêu thì được”, đồng thời chụp hình ảnh giấy tờ liên quan đến tài sản cầm cố gửi cho bà T. Vì vậy, có cơ sở xác định giữa bà T và vợ chồng ông TA có cùng nhau hùn hạp làm ăn trong lĩnh vực cầm cố và mua bán xe như phía bà T trình bày là có xảy ra trên thực tế, nên việc bà T yêu cầu ông TA, bà L trả tiền là có cơ sở để xem xét.

[3.2] Bị đơn ông TA kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp, cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, đặc biệt là tài liệu, chứng cứ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B; không triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm những người đang quản lý và sử dụng 04 chiếc xe và con gái bà T đến tham gia phiên tòa.

Xét các nội dung kháng cáo nêu trên của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.2.1] Về tài liệu, chứng cứ xác định số tiền, tài sản bà T đã giao cho vợ chồng ông TA, bà L kinh doanh:

Thực tế, giữa bà T và ông TA, bà L phát sinh rất nhiều lần giao dịch chuyển tiền qua lại lẫn nhau. Do đó, khi xem xét, Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ dựa trên các giao dịch chuyển tiền này để làm cơ sở xem xét.

Căn cứ những đoạn tin nhắn thể hiện việc ông TA, bà L mỗi lần thực hiện giao dịch nhận cầm cố tài sản đều chụp hình giấy tờ liên quan đến tài sản cầm cố, nói về giá cầm và yêu cầu bà T chuyển tiền, đối chiếu với thời gian, số lần chuyển tiền và số tiền bà T chuyển vào tài khoản của vợ chồng ông TA, bà L là trùng khớp với các lần nhắn tin trao đổi giữa các bên, phù hợp với lời khai của ông Trần Mạnh T (Tăng Kiệt T) về việc bà T có đưa tiền cho ông T để đưa cho ông TA thực hiện giao dịch nhận cầm xe; các hình chụp và nội dung tin nhắn cũng phù hợp với lời trình bày của bà T về việc giao cho ông TA, bà L 04 chiếc xe với tổng giá trị 317.500.000đ; phù hợp quyển sổ ghi chép lại các lần cầm cố tài sản. Trên cơ sở đối chiếu những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T đã giao tiền và tài sản cho ông TA và bà L tổng cộng 736.500.000đ và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông TA và bà L trả lại cho bà T số tiền gốc 736.500.000đ và tiền lãi phát sinh 36.825.000đ là có căn cứ.

[3.2.2] Về tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu phản tố của ông TA, bà L:

Đối với tài liệu, chứng cứ ông TA giao nộp là các hình chụp mà ông TA cho rằng là chứng cứ chứng minh cho việc ông TA cho bà T mượn vàng đã được Tòa

án cấp sơ thẩm xem xét và nhận định trong bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, những tài liệu, chứng cứ này chỉ là những hình ảnh thể hiện việc cân vàng, đặc điểm, số lượng vàng và tờ biên nhận thể chấp tài sản của tiệm vàng Kim Hân, không có nội dung chứng minh việc bà T có mượn số vàng này nên không có cơ sở chấp nhận.

Ông TA và bà L cho rằng bà T có vay của ông bà số tiền 500.000.000 đồng vào cuối năm 2022. Tuy nhiên, ông TA không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho giao dịch vay tiền giữa vợ chồng ông TA và bà T. Ngoài ra, qua xem xét tài liệu là các tin nhắn trao đổi giữa ông TA và bà T thì trong thời gian trên, ông TA nhiều lần nhắn tin hỏi mượn tiền của bà T để kinh doanh; khi làm việc tại cơ quan Điều tra, ông TA và bà L xác định vợ chồng ông và bà T có mâu thuẫn do bà T mượn vàng của vợ chồng ông, không có việc bà T vay mượn tiền nên việc ông TA, bà T cho rằng bà T vay tiền của ông bà là không có căn cứ.

Đối với các lần chuyển tiền giữa bà T và vợ chồng ông TA, như đã phân tích ở trên, ngoài các lần bà T chuyển tiền cho ông TA, bà L phù hợp với tin nhắn trao đổi giữa các bên về việc mua bán, cầm cố tài sản đã được Tòa án xem xét thì giữa các bên phát sinh rất nhiều giao dịch chuyển tiền qua lại lẫn nhau, ông TA xác định lý do có việc chuyển tiền qua lại này là do khi bà T cần tiền mặt thì chuyển tiền qua cho vợ chồng ông và sau đó nhờ ông bà đưa tiền mặt và ngược lại thì vợ chồng ông bà cũng nhiều lần chuyển tiền cho bà T và nhờ bà T đưa tiền mặt lại. Đối với các lần chuyển khoản này, do các bên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là giao dịch gì nên Tòa án sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3.2.3] Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ, triệu tập những người liên quan đến việc ông TA và bà L cho rằng có bán 04 xe mô tô cho người thân của bà T:

Ông TA và bà L cho rằng có bán 04 xe mô tô cho người thân của bà T, trong đó có con gái của bà T tên Hân nên yêu cầu Tòa án sơ thẩm xác minh, thu thập hồ sơ mua bán các xe này, làm việc với những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng xe. Tuy nhiên, nếu thực tế có các giao dịch này thì đây là giao dịch riêng, không liên quan đến vụ án, quá trình giải quyết vụ án ông TA và bà L cũng không có yêu cầu phản tố đối với các giao dịch mua bán xe này, tại phiên tòa ông TA cũng xác định bà T đã thanh toán tiền mua xe xong nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu thu thập chứng cứ nêu trên là phù hợp. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp liên quan đến các giao dịch mua bán xe này thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tăng Mỹ L.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quốc TA. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5; Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 166; 357; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim T đối với ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L.

Buộc ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L trả cho bà Hà Kim T số tiền 773.325.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 736.500.000 đồng, lãi tính từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 36.825.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim T đối với ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L về việc trả số tiền 230.475.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 219.500.000 đồng, lãi tính từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 10.975.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Kim T đối với số tiền trang trí Cửa tiệm 19.000.000 đồng và số tiền nhận mua vàng cho ông Nghiệp là 35.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L đối với bà Hà Kim T về việc trả số vàng gồm: 02 sợi dây chuyền vàng 18K (05 chỉ 6 phân 24 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (02 chỉ 9 phân 34 ly kèm luôn hột), 01 bộ vòng ximen 21 chiếc vòng 18K (01 lượng 6 phân 88 ly), 02 chiếc khâu vàng 24K (05 chỉ 9 phân 92 ly), 03 chiếc nhẫn hột vàng 18K (06 chỉ 6 phân 30 ly), 01 sợi dây chuyền vàng 18K (03 lượng 01 chỉ 93 ly), 01 sợi lắc tay vàng 18K (04 lượng 03 chỉ 94 ly). Tổng giá trị thành tiền của số vàng nêu trên đến thời điểm xét xử ngày 30/9/2024 là **684.748.480** đồng

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L đối với bà Hà Kim T về việc trả lại số tiền 512.916.667 đồng, trong đó gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày có đơn yêu cầu phản tố 27/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 12.916.667 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Hà Kim T là 34.933.000 đồng.

Buộc ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu phản tố không được chấp nhận là **47.929.954** đồng.

Tổng cộng án phí ông TA và bà L phải nộp là **82.862.954** đồng, ông TA và bà L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 12.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002860 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, đối trừ buộc ông TA và bà L còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **70.062.954** đồng.

- Buộc bà Hà Kim T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.523.750 đồng. Bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 21.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002538 ngày 03/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, đối trừ bà T được hoàn lại số tiền 9.626.250 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Quốc TA và bà Tăng Mỹ L mỗi người phải chịu 300.000 đồng; ông TA và bà L, mỗi người đều đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003115 và 0003120 lần lượt ngày 07 và 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B nên được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- Viện KSND tỉnh B;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND thành phố B;
- Lưu: HSVA; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Định

